

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/DS-ST

Ngày 31-7-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung

Ông Trần Ái Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phùng Văn V, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*có mặt*);

- *Bị đơn:* bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1986; địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*có mặt*);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Kim D, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Người được ủy quyền: ông Phùng Văn V (là nguyên đơn), theo văn bản ngày 15-7-2024;

2/ Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*vắng mặt không lý do*);

- *Người làm chứng:* bà Đỗ Thị G, sinh năm: 1955, địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-10-2022, bản tự khai ngày 10-10-2023, qua làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Văn V trình bày:

Ông yêu cầu bà Trần Thị Kim L trả lại số tiền vay là 652.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng của số tiền này từ ngày 12-8-2021 cho đến nay tạm tính khoản 215.160.000 đồng, cộng gốc lãi khoản 867.160.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Do ông và bà Trần Thị Kim L quen biết chòm xóm với nhau, trước đây ông có nhà tại S, Đ, T, sau này ông có đại lý mua bán cám gạo tại Cầu X, H, T nên có quan hệ quen biết với nhau. Vào năm 2020, 2021 không nhớ ngày tháng, bà L có hỏi ông vay số tiền 200 triệu đồng, sau đó vay tiếp 280 triệu đồng, ngày 12-8-2021 bà L vay tiếp 152 triệu đồng, cộng ba lần vay là 632 triệu đồng, do các lần trước có viết giấy nợ, nhưng vợ ông là Nguyễn Kim D cộng lại viết chung 01 giấy nợ đưa cho bà L xem ký tên, viết họ tên, lãng tay, nhận tiền. Đến ngày 16-8 (â)-2021 bà L vay tiếp 20 triệu đồng, thì viết giấy nợ riêng bà L có ký tên, viết họ tên, lãng tay nhận tiền, cộng bốn lần vay là 652 triệu đồng, mục đích vay bà L nói để đáo hạn ngân hàng, nộp chi phí cho em đi Đài Loan và trị bệnh cho mẹ ruột là bà Đỗ Thị G, sinh năm 1963. Lúc mượn bà L không có thể chấp tài sản, bà L hẹn từ 03 đến 06 tháng bán đất trả lại. Về lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, ông có nhận lãi của số tiền 02 lần vay trước là 280 triệu đồng, 01 tháng là 14.400.000 đồng, mà 03 tháng là 43.200.000 đồng và lần sau là 1.500.000 đồng gửi cho bà D vợ ông, tất cả vợ chồng ông nhận được 44.700.000 đồng tiền lãi của bà L. Việc trả lãi ông không làm giấy tờ, cũng không mở sổ theo dõi. Đến hẹn bà L không trả, ông đến nhà đòi nhiều lần thì bà L hẹn mà không trả, sau đó cuối năm 2022 ông nghe tin bà L bán đất mà không trả nợ, nên ông khởi kiện yêu cầu bà L trả số nợ trên. Chứng cứ là 02 Giấy nợ ngày 12-8-2021 và ngày 16-8 (â)-2021. Tại phiên tòa ông yêu cầu tính lãi từ ngày 16-8 (â)-2021 cho đến nay. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Tại Đơn tường trình, Đơn phản tố cùng ngày 13-10-2023, Biên bản lấy lời khai ngày 17-6-2024 và qua làm việc bị đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:* bà và vợ chồng ông V, bà D là quen biết chòm xóm, vào ngày 12-8-2021 mẹ bà tên Đỗ Thị G, sinh 1963 chết, bà không có tiền nên có bàn với dì của bà tên Đỗ Thị G, sinh 1955 là chị ruột mẹ bà, để đi vay tiền của vợ chồng ông V, bà D về làm đáng tang cho mẹ bà, lúc đó bà gọi điện thoại cho bà D vay 50.000.000 đồng, bà D đồng ý nên bà chở bà G đến nhà ông V gặp 02 vợ chồng ông V, bà hỏi vay 50.000.000 đồng để lo hậu sự cho mẹ bà, thì bà D đưa mấy giấy nợ của em ruột bà tên Trần Thị Kim T ra và đưa giấy nợ số tiền 632.000.000 đồng yêu cầu bà ký chung một giấy nợ này mới đưa tiền cho bà mượn, lúc đó bà có đọc giấy nợ ngày 12-8-2021 và nói “tôi đâu có mượn số tiền này mà ký giấy nợ”, bà D nói ký chung vô đây luôn đi, khi nào trả thì tính của ai trả phần này, nên bà mới ký tên giấy nợ 632 triệu đồng này, mục đích là để lấy tiền về lo hậu sự cho mẹ bà, còn giấy nợ của bà T thì bà không có xem, bà chỉ nhận có 50 triệu đồng. Ngày 16-8 (â)-2021 bà vay thêm 20.000.000 đồng và có trả lãi 1.500.000 đồng/50.000.000 đồng, cộng hai lần vay là 70.000.000 đồng. Lãi suất bà D nói 1.000.000 đồng thì 30.000

đồng/tháng, bà không biết bao nhiêu %. Bà không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã trả. Chứng cứ bà có 01 thẻ nhớ đã sang qua cái USB bà đã nộp và Tòa án đã công khai khi đối chất với nhau, có bà G chứng kiến việc bà vay tiền của bà D, ông V. Ngoài ra không còn chứng cứ gì khác. Sau đó bà có đến trả nhiều lần nhưng ông V không nhận, mà yêu cầu bà giao giấy đất do bà đứng tên cho ông V, thì bà không đồng ý, đến ngày 05-12-2022, lúc trưa bà mang số tiền 70 triệu đồng đến trả và có mở ghi âm cuộc nói chuyện của bà với bà D, đi cùng em gái là Trần Thị Kim T đến để giúp nợ của ai với nhau luôn, nhưng bà D nói “đã cộng dồn vô hết rồi, không nhận tiền, còn nói đã kiện đến Tòa án rồi ra Tòa án trả, nếu muốn trả thì phải chuyển 01 tỷ vô tài khoản trả thì mới nhận”. Nay bà đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05-12-2022, còn sau đó thì bà không đồng ý trả. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập đến làm việc, thông báo đến tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải, đối chất nhiều lần nhưng bà T không đến và cũng không cung cấp lời khai ý kiến cho Tòa án.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 trình bày:* bà là vợ ông Phùng Văn V, còn với bà Trần Thị Kim L là quen biết chòm xóm với nhau, do trước đây bà G là mẹ của bà L có đến vay tiền đáo nợ Ngân hàng nên cũng hay qua lại với nhau. Về nội dung sự việc như ông V trình bày. Đến hạn bà L không trả, bà L nói có đưa em gái ở nước ngoài chưa về nên chưa ký tên tách giấy đất được, cứ hẹn lần do chưa tách giấy xong nên chưa bán đất được. Sau đó bà G bệnh chết, bà nghe nói đất đã chia xong và đã bán luôn rồi, bà gọi điện hỏi sự việc, thì bà L hứa đến nhà bà, thì bà L đi với hai người đàn ông đến nhà, chỉ nhớ năm 2023, bà L đem giỏ xách xuống nói em bán đất được rồi em có tiền trong giỏ để trả nợ cho chị, nên chị tính lãi đi em trả, yêu cầu bà lấy giấy nợ đưa ra, thì bà yêu cầu bà L lấy tiền ra cho bà đếm trước, bà còn nói tính theo lãi ngân hàng chắc cũng cả tỷ đồng, thì bà L nói gì nhiều dữ vậy, tiền mặt trả không đủ, thì chuyển khoản cho, bà kêu chuyển cho anh V có số tài khoản, bà đi lấy giấy nợ 632 triệu chụp hình đưa cho bà L xem, thì bà L lấy máy ra chụp màn hình điện thoại của bà lại, hai bên lời qua tiếng lại về bà L yêu cầu bà đưa giấy nợ ra, mới đưa tiền, còn bà yêu cầu đưa tiền trước mới đưa giấy nợ ra, thì bà L bỏ đi về cùng hai người thanh niên mà không trả tiền, nên ông V khởi kiện. Từ khi vay bà L có trả một lần số tiền 1.500.000 đồng chỉ nhớ năm 2022, bà có ký trong sổ của bà L và ông V có nhận 43.200.000 đồng, cộng lãi là 44.720.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà L trả cho ông V số tiền vay là 652.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 16-8 (âl)-2021 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Chứng cứ bà có 02 giấy mượn nợ ngày 12-8-2021 và ngày 16-8 (âl)-2021 do bà viết, bà L và bà G có ký tên, lằng tay. Ngoài ra không còn tài liệu chứng cứ gì nữa cả. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Người làm chứng bà Đỗ Thị G trình bày:* bà là chị ruột của bà Đỗ Thị G, sinh năm 1963, do chị em bà có họ tên trùng nhau, chỉ khác năm sinh, là dì ruột của bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim T. Bà không nhớ thời gian nào, chỉ nhớ

ngày chị ruột bà Đỗ Thị G, sinh năm 1963 là mẹ của bà L chết, bà với bà L đến nhà bà D1, ông V xin vay số tiền 50.000.000 đồng để về làm đám tang cho bà G, bà D1 mới lấy tờ giấy ra kêu bà L ký tên giấy nợ sáu trăm mấy mới cho bà L vay tiền, do có số nợ của gia đình bà L nợ nhiều lần từ trước đến nay, bà D1 còn nói khi nào trả thì của ai trả phần nấy, nên bà L có đọc xong đồng ý ký giấy nợ cho bà D1, bà thì ký tên giấy nợ đó là người làm chứng, bà L chỉ nhận số tiền 50.000.000 đồng, bà không biết giấy nợ đó ngày tháng năm nào, số tiền bao nhiêu. Cách 01 tháng sau thì bà L có nói với bà là đã vay của bà D1, ông V thêm 20.000.000 đồng để xây mồ mã cho mẹ, thì bà L có chở bà đến nhà ông V, bà D1 để giáp mặt có bà làm chứng, lần này thì bà không trực tiếp chứng kiến cho mượn tiền, nhưng có giáp mặt giữa bà L với bà D1 về số nợ bà L vay hai lần là 70.000.000 đồng, lúc vay bà nghe bà D1 nói lãi 1.000.000 đồng thì 30.000 đồng/tháng, bà cũng không biết bao nhiêu %. Theo bà thì bà L chỉ nợ ông V, bà D1 số tiền 70.000.000 đồng, chứ không có nợ sáu trăm mấy như ông Vũ k đòi. Ngoài ra bà không biết thêm gì nữa cả.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim T vắng mặt suốt quá trình Tòa án thu thập chứng cứ là chưa chấp hành các quy định của pháp luật. Đề nghị xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn V “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị Kim L. Buộc bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông V, bà D1 số tiền 652.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* bà Thanh vắng m lần thứ hai không có lý do, nên đưa ra xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* ông Vũ kiện bà L đòi tiền vay, Toà án thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: ông Vũ k yêu cầu bà L trả số tiền vay là 652.000.000 đồng; bà L thừa nhận có nợ 70.000.000 đồng và đồng ý trả số nợ này cho ông V; bà D1 thống nhất theo ý kiến của ông V; bà G thống nhất theo ý kiến của bà L; bà T không đến Toà án nên không có ý kiến.

[3.1] Ông V cho rằng năm 2020, 2021 bà L vay số tiền 200 triệu đồng, sau đó vay tiếp 280 triệu đồng, ngày 12-8-2021 bà L vay tiếp 152 triệu đồng, cộng ba lần vay là 632 triệu đồng, do các lần trước có viết giấy nợ, nhưng vợ ông là Nguyễn Kim D cộng lại viết chung 01 giấy nợ ngày 12-8-2021 đưa cho bà L xem ký tên, viết họ tên, lãng tay, nhận tiền. Đến ngày 16-8 (âl)-2021 bà L vay tiếp 20 triệu đồng, thì viết giấy nợ riêng bà L có xem ký tên, viết họ tên, lãng tay, nhận tiền, cộng bốn lần vay là 652 triệu đồng mà không trả nên ông khởi kiện. Chứng cứ ông V cung cấp là 02 giấy mượn tiền ngày 12-8-2021 và ngày 16-8 (âl)-2021 do bà L và bà G ký tên, viết họ tên và lãng tay. Bà L thừa nhận có nợ 70.000.000 đồng và đồng ý trả số nợ này cho ông V. Chứng cứ của bà L là cái USB.

[3.2] Xét thấy, giấy mượn tiền ngày 12-8-2021 và giấy ngày 16-8 (âl)-2021 thì bà L thừa nhận do bà ký tên, viết họ tên, lãng tay, có bà G ký tên, lãng tay, nhưng bà cho rằng do bị ép buộc luôn số nợ của em gái bà là Trần Thị Kim T và do không có tiền lo hậu sự cho mẹ bà nên bà mới ký tên, viết họ tên, lãng tay để vay tiền. Tuy nhiên bà không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc này, việc bà L ký tên, viết họ tên, lãng tay và có ghi thêm số tiền bằng chữ là tự nguyện. Lẽ ra bà L phải ghi thêm nợ của bà T, của bà mỗi người bao nhiêu. Sau đó bà L cũng không trình báo sự việc này đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét giải quyết cho bà, đến ngày 16-8 (âl)-2021 bà L cũng tự nguyện đến nhà bà D vay tiếp số tiền 20 triệu đồng, việc này thể hiện hai bên cũng còn mối quan hệ bình thường, không có mâu thuẫn gì cả, đây cũng là căn cứ có cơ sở xem xét.

[3.3] Đối với chứng cứ bà L cung cấp là cái thẻ nhớ ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà L với bà D, đã được sang qua cái USB. Việc này Tòa án đã công khai chứng cứ, mở USB cho các đương sự nghe thì các đương sự thừa nhận là giọng nói của bà L và bà D, nhưng không thể hiện việc bà D thừa nhận có số nợ của bà T trong số nợ ông Vũ k nên không có cơ sở chấp nhận chứng cứ của bà L cung cấp.

[3.4] Đối với lời trình bày của người làm chứng bà Đỗ Thị G thấy rằng: bà G là dì ruột của bà L, bà T. Bà L và con của bà T cũng sống chung nhà với bà G là thể hiện có mối quan hệ gia đình, nên bà G làm chứng cho bà L là không khách quan, nên lời trình bày của bà G không thể làm căn cứ xem xét giải quyết.

[3.5] Từ các chứng cứ trên xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tài sản của ông V đối với bà L. Buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 652.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.6] Về lãi suất: ông V yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng của số tiền 652.000.000 đồng này từ ngày 16-8 (âl)-2021 cho đến nay. Bà L đồng ý trả lãi

3%/tháng trên số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 12-8-2021 cho đến ngày 05-12-2022. Xét thấy, các đương sự thống nhất mức lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất, nhưng ông V yêu cầu tính lãi 1%/tháng là không vượt quá mức lãi suất do Ngân hàng N quy định 20%/năm là có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Việc bà L cho rằng ngày 05-12-2022 có đến trả tiền nhưng bà D không nhận thể hiện bằng lời nói của bà trong cái USB; bà D cho rằng bà L chỉ nói trả tiền, không giao tiền mà đòi lấy giấy nợ; còn bà D thì yêu cầu bà L giao tiền trước thì bà giao giấy nợ ra, nên hai bên lời qua tiếng lại cãi vã nhau bà L bỏ về. Tuy nhiên thực tế bà L có giao tiền để trả cho bà D hay không thì chưa có căn cứ chứng minh, nên bà L vẫn phải chịu lãi suất cho đến ngày nay là phù hợp.

[3.7] Về ngày 16-8 (âl)-2021 tương ứng với ngày 22-9 (dl)-2021 cho đến ngày nay 31-7-2024 là 02 năm 10 tháng 09 ngày. Vậy số tiền 652.000.000 đồng x 1%/tháng x 02 năm 10 tháng 09 ngày = 223.635.997 đồng.

[3.8] Về tiền lãi ông V đã nhận của bà L số tiền 44.700.000 đồng, nên cần khấu trừ lại cho bà L. Vậy tiền lãi là 223.635.997 đồng trừ 44.700.000 đồng, còn lại 178.935.997 đồng, (làm tròn là 178.936.000 đồng) là phù hợp.

[3.9] Vậy tiền vay là 652.000.000 đồng + tiền lãi là 178.936.000 đồng = 830.936.000 đồng, buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông V số tiền này là phù hợp.

[3.10] Ông V, bà D thống nhất số tiền này là tài sản chung của vợ chồng, nhưng bà D yêu cầu giao cho ông Vũ n và đã ủy quyền cho ông V nên ghi nhận.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.928.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn V “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị Kim L.

Buộc bà Trần Thị Kim L có trách nhiệm trả cho ông Phùng Văn V số tiền vay là 652.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày nay 31-7-2024 là 178.936.000 đồng, cộng gốc, lãi 830.936.000 (*Tám trăm ba mươi triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: bà Trần Thị Kim L chịu 36.928.000 (Ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phùng Văn V số tiền tạm ứng án phí là 18.323.000 (Mười tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0027619 ngày 11-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tây Ninh;
- VKS TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ;
 - Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An